

BÀN VỀ HAI TỪ “GÌ” VÀ “ẤY”

TS Chu Thị Thanh Tâm
Bộ môn NN&VH Việt Nam

1. Về từ “gì”

1.1. Nghĩa và cách sử dụng được nêu trong từ điển đối chiếu

a) Nghĩa của từ *gì* trong từ điển Việt- Anh của Viện Ngôn ngữ, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1997 được hiểu với các nghĩa (chỉ xin trích dẫn phần ví dụ bằng tiếng Việt):

- Nghĩa 1 (N1): Làm gì?, Nói gì bây giờ? Gì nữa?, Gì thế?
- N2: Không có gì phiền hà cả, “Lo gì việc ấy mà lo” (Nguyễn Du)
- N3: Anh có ý kiến gì không?
- N4: Anh nghe gì chớ có nói!

b) Trong 4 ví dụ trên chỉ có một từ tiếng Anh ứng với *gì* của tiếng Việt, đó là *What*, còn lại là những cụm từ diễn đạt tương đương. Từ điển này không chỉ ra tiêu chí giải thích, đơn thuần căn cứ vào vỏ ngữ âm của từ. Vậy chỉ xin tra ngược lại từ *What*, từ điển Anh-Việt cũng của Viện Ngôn ngữ, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1998 giải thích:

What 1:

- Dùng để đề nghị ai chỉ rõ một hay nhiều vật, địa điểm, con người, v.v... trong số xác định

Anh đã có những cuốn sách gì để đọc về đề tài đó rồi?

- Dùng để đề nghị ai chỉ rõ một hay nhiều vật, v.v... trong số chưa xác định:

Anh đã nói gì?

Anh ấy làm nghề gì?

Anh làm thế để làm gì?

What 2: Những vật hoặc người mà..., những thứ mà...

Những gì anh nói rất có thể đúng.

Không ai biết những gì sẽ xảy ra sau đó.

What 3: Dùng khi mình không nghe được ai đó nói

Cái gì? Gì cơ?

Whatever tuy đặt tách rời *What* nhưng khi giải thích bằng tiếng Việt thì lại trùng với N4 của từ điển Việt- Anh, cụ thể là:

- Bất cứ thứ gì hoặc mọi thứ
- Diễn đạt sự ngạc nhiên hoặc bối rối
- Anh muốn nói cái gì vậy? Rồi lại cái gì nữa đây?*
- Dùng sau từ không để phủ định

Không thể có bất cứ nghi ngờ gì về điều đó; Chẳng thấy cái quái gì cả

Trong từ điển này các tác giả lại soạn theo cách sử dụng từ *gì*

2. Nghĩa của từ *gì* được sử dụng trong thực tế tiếng Việt ở Việt Nam

a) Giải thích từ góc độ từ loại:

N1: Tính từ *gì*

- Tính từ *gì* dùng để hỏi: *Loại gì? Đọc sách gì?*
- Tính từ biểu thị thái độ: *Thật chẳng ra gì! Cũng ra gì đấy chứ?*

N2: Danh từ *cái gì, gì*

- Danh từ để hỏi: *Chuyện gì xảy ra thế? Anh tên là gì?*

- Danh từ xác định: *Những gì mà tôi đã nói đều tốt cho anh.*

b) Giải thích từ góc độ sử dụng trong thực tế.

N1. Từ để hỏi: *Đây là cái gì? Loại gì (nào) dùng bền? Cậu nói gì tớ không hiểu.*

N2. Từ biểu thị thái độ:

- Ngạc nhiên, tức giận: *Cái gì thế này?/Anh đưa cho tôi cái gì thế?/ Ông làm gì thế?/*

Cái gì?

- Tâm đắc, khen: *Trông cũng ra gì đấy chứ nhỉ!! Gì quá đi chứ!*

- Khẳng định, quyết tâm: *gì thì gì tôi vẫn cứ làm!! Gì gì gì gì, cái gì cũng được! Chứ còn gì không thể là gì?*

- Phủ định: *Làm người mà chẳng biết suy, đến khi nghĩ lại còn gì là thân/Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì/ Có đổ mà chẳng có thơm, như hoa dâm bụt nên cơm cháo gì!*

- Băn khoăn, tự hỏi: *Nói gì bây giờ nhỉ/ Gì nữa đây*

- Lịch sự trả lời khi người ta cảm ơn: *Không có gì có gì đâu*

- Hờn trách, xót xa: *Còn gì nữa đâu mà buồn với nhớ/ Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu (Kiểu- Nguyễn Du)*

- Thay thế cho một từ vì tế nhị hoặc đôi khi do người nói bí từ căn cứ vào bối cảnh cụ thể: *Hai đứa đã có gì chưa? (mang thai)/ Chắc có gì với nó rồi mới thế chứ (nhận lời)/ Hôm nay tao bận quá chưa gì được (giải thư)/ Con ấy nó gì lắm (bướng).*

- Tương đương với câu trả lời “ạ”: A: Hoa ơi; B: Gì?

Thay thế tên riêng trong trường hợp hò, gọi mà không biết tên, hoặc quên, hoặc vui đùa: *Anh gì ơi!! Bạn gì ơi cho tôi hỏi.*

A: Anh tên là gì?

B: Tôi tên là Gì.

A: Tôi hỏi Họ tên anh là gì?

B: Tôi tên là Trần Văn Gì!!!

Qua câu chuyện vui về hỏi tên, ta thấy ngay trong tâm thức của người Việt, cho dù từ gì có phức tạp đến đâu đi chăng nữa nhưng nghĩa cơ bản của nó vẫn là dùng để hỏi.

2. Về từ “ấy”

2.1. Nghĩa và cách sử dụng nêu trong từ điển đối chiếu

a) Cũng theo từ điển Việt- Anh khi khảo sát từ gì, từ “ấy” được chuyển dịch sang tiếng Anh chỉ có một từ đó là “That”, còn lại là những diễn đạt tương đương, các nghĩa của “ấy” thể hiện trong các ví dụ sau:

N1: *Đưa cho tôi quyển sách ấy; Cái thời ấy đã qua rồi; Chủ nào tớ ấy.*

N2: *Dùng để nhấn mạnh: Anh ta đi đằng sau ấy; Nó làm gì ấy; Tôi ấy ư, tôi làm gì cũng được*

N3: *Ấy, đừng làm thế; Ấy, đã bảo mà; Ấy, tôi cũng nghĩ thế.*

b) “That” trong từ điển Anh-Việt nêu cách sử dụng ứng với từ ấy chỉ có một nghĩa, đó là dùng để nói rõ một người hoặc vật, nhất là khi người đó, vật đó được nhìn thấy ở xa về không gian hoặc thời gian đối với người nói hoặc viết.

Vào những ngày ấy tôi vẫn đang sống với bố mẹ tôi.

Ngoài ra, mặc dù nghĩa cơ bản tương đương với *kia, đó*, nhưng thực tế không thay thế cho nhau được. ví dụ khi hai người đang nhìn vào một cây và một người nói: *Trông kia! Những quả kia mong nước hơn những quả này mà không nói Những quả ấy mong hơn...*

Với cùng một nhóm từ chỉ định này, *nó, kia, ấy* trong thực tế sử dụng từ *ấy* đã biến hoá đi rất phong phú về mặt từ loại cũng như nghĩa.

2.1. Nghĩa của từ “*ấy*” được sử dụng trong tiếng Việt ở Việt Nam

N1. *Ấy* là một đại từ chỉ định: *Anh ấy/ chị ấy/ giờ nhà ai quai nhà ấy.*

N2. Thay thế cho người hoặc sự vật, hiện tượng không muốn nhắc đến vì lý do tế nhị:

Cái ấy của mình bên to bên nhỏ tớ bị ấy rồi người ấy đi lấy chồng rồi cậu ấy xong chửi ấy ra phết đấy chứ nhỉ! giải thích mãi mà nó vẫn không ấy.

N3. Sử dụng với mục đích kín đáo, bí mật: *Con ấy ả mai bọn mình đến chỗ ấy nhá.*

N4. Thay thế cho động từ “*làm*” hoặc một động từ nào đó do người nói dựa vào tình huống có sẵn hoặc bí từ, tức chưa kịp lựa chọn từ cho phù hợp trong nói năng: *ấy cái gì trong ấy mà lâu thế! ấy thế mà coi được ả! ấy cho tớ với*

N5. Là từ cảm thán dùng để ngăn cản kịp thời với nghĩa khuyên bảo: *ấy ấy đừng làm thế!! ấỵ, ông làm gì thế?*

N6. Thay từ xưng hô cho thân mật theo kiểu bạn bè của người trẻ tuổi hoặc để làm quen nhau một cách tự nhiên hơn: *Hôm nay ấy có đi xem bóng đá trận Việt Nam gặp Malaixia không?/ ấỵ tên là gì vậy?/ Mẹ của ấỵ chiều ấỵ nhỉ.*

N7. Trong tình huống cụ thể, mặc dù chỗ đông người trong nhà hàng, *ấy* vẫn được xác định là ai: *Này, ấỵ ơi, cho một đĩa đậu rán lên đây nhé!*

Như vậy, về mặt từ loại *ấy* có thể là một đại từ, một động từ, một tính từ. Về cách sử dụng ta thấy khá là phong phú, như trên đã trình bày, có nhiều nghĩa sử dụng chưa được nêu trong từ điển.

3. Quan hệ giữa từ “*gì*” và “*ấy*”

Không phải ngẫu nhiên mà người viết chọn hai từ này. Có lẽ do 2 từ này đều giống nhau ở chỗ chúng thực hiện chức năng chủ yếu là để hỏi và chỉ định khi đi kèm với các từ khác nên hẳn muốn nói đến cái gì không thật rõ, người ta thường mượn hai từ này, nghĩa là chúng thường đi với nhau, ví dụ:

- Em đã *ấy* chưa?
- *ấy* rồi mà vẫn chưa *gì* anh ạ.
- *Gì* thì *gì*, cứ chịu khó *ấy* vào
- Vâng, có lần em *ấy* cũng *ra* *gì* lắm anh ạ, nhưng vẫn chưa có *gì*...

Qua những nghĩa sử dụng đã khảo sát ở hai từ này, ta thấy nghĩa không thật rõ ở đây chính là mục đích sử dụng trong nói năng để vui đùa, tế nhị, đặc biệt cả hai từ này luôn phải phụ thuộc vào ngữ cảnh hoặc giữa những nhân vật giao tiếp phải có cùng tiền giả định. Với kinh nghiệm giao tiếp của người sử dụng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ thì mới hiểu được nội dung của đoạn đối thoại trên, nhưng cũng chỉ là hiểu lơ mơ mà thôi, hoặc có thể suy diễn thành nhiều chuyện khác nhau.

Góp thêm ý kiến để hiểu và sử dụng hai từ *gì* và *ấy*, không ngoài mục đích:

- Làm trong sáng hơn cho tiếng Việt nếu thấy cách hiểu và sử dụng nào không chấp nhận được.
- Bổ sung thêm nghĩa và cách sử dụng của các từ này trong từ điển
- Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.